MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA PHẬT GIÁO HÀ TĨNH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

ĐINH QUANG HẢI*

1. Phật giáo Hà Tĩnh từ khởi thủy đến thời Nguyễn

Ngay từ những thế kỷ đầu Công nguyên, Phật giáo cùng Nho giáo và Đạo giáo đã sớm du nhập vào Việt Nam, trong đó Phật giáo đã được truyền bá trong nhân dân. Vào thời kỳ đó, tại Luy Lâu (thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh ngày nay) đã có một trung tâm Phật giáo khá phồn thịnh. Thời kỳ đầu, Phật giáo được truyền bá vào Việt Nam chủ yếu trực tiếp từ Ấn Độ qua đường biển cùng với những thương nhân, một số Tăng sỹ Ấn Độ và Trung Á sang truyền giáo ở Việt Nam, tiêu biểu như Ma-ha-kỳ-vực (Mahajivaka), Khưu-đa-la (K'sudra); Tiếp đến, vào cuối thế kỷ thứ II sau Công nguyên là Khương Tăng Hội, Chi Lương Cương (Kalyana-Siva) và từ giữa thế kỷ thứ III sau Công nguyên đến thế kỷ thứ IV sau Công nguyên là Đạt-ma-đề-bà (Dharmadeva) (1)

Đối với Phật giáo Hà Tĩnh, đến nay đã trải qua quá trình xuất hiện và phát triển lâu dài. Ngay từ khởi thủy, dưới thời Hùng Vương, tại địa danh núi Quỳnh Viên, thuộc vùng đất Hà Tĩnh ngày nay, được coi là một trong những địa danh đầu tiên Phật giáo truyền bá vào Việt Nam, gắn liền với câu chuyện huyền sử: "Truyện *Nhất dạ trạch* của *Lĩnh Nam chích quái* ghi lại việc Chử Đồng Tử đã được nhà sư Phật Quang tại núi Quỳnh Viên (cũng có bản viết là Quỳnh Vi) truyền dạy giáo lý Phật giáo" (2). Sau khi truyền bá vào vùng đất này, Phật giáo đã có những ảnh hưởng đa chiều, khá sâu sắc đối với đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của các thế hệ cư dân tiếp nối sinh sống trên vùng đất sông Lam, núi Hồng từ ngàn xưa đến nay.

Trong sách *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, đã nói đến việc nhà sư Phật Quang truyền đạo cho Chử Đồng Tử trở thành Phật tử đầu tiên của Việt Nam và Chử Đồng Tử trở thành một trong bốn vị tứ Thánh bất tử của người Việt (3). Địa danh núi Quỳnh Viên còn thấy xuất hiện trong bài thơ của Vua Lê Thánh Tông (1460-1497) là núi Nam Giới ở Cửa Sót, huyện Thạch Hà, thuộc tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.

Khi phân tích về một trong những địa điểm du nhập Phật giáo đầu tiên vào Việt Nam ở núi Quỳnh Viên (Hà Tĩnh), nhà nghiên cứu Lê Mạnh Thát viết: Việc đồng nhất núi Quỳnh Viên là ngọn núi nằm ở phía Nam Cửa Sót ngày nay không phải là mới. Ngay từ đầu triều Nguyễn, Sử gia Phan Huy Chú khi viết *Lịch triều hiến chương loại chí* cũng đã đồng nhất điều này và cho biết: Uyên Sơn ở hữu ngạn cửa Nam Giới "*Uyên Sơn ở bên phải cửa Nam Giới*" tương truyền tại đó có nền nhà của Chử Đồng Tử. Trong bài thơ thứ 7 nói về Nam

*PGS.TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

giới hải môn lữ thứ của Vua Lê Thánh Tông khi chinh phạt Champa (1470) cũng có câu: "Danh sơn do thuyết cổ Quỳnh Viên", nghĩa là: Nói đến núi có danh tiếng, còn nhớ đến núi Quỳnh Viên (4) đời xưa, tức là nói về núi này" (5).

Trải qua mấy thế kỷ truyền bá vào vùng đất Hà Tĩnh, Phật giáo đã có sự phát triển nhất định, nhiều cứ liệu lịch sử đã cho thấy ở vào thế kỷ thứ VII - VIII sau Công nguyên, Phật giáo Hà Tĩnh đã đạt đến trình độ phát triển khá hưng thịnh. Theo Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Hà Tĩnh thì tại vùng đất Xứ Nghệ ở vào thế kỷ VII-VIII đã có nhiều nhà sư xuất dương, tầm đạo nhằm mục đích hoằng dương đạo Phật ở quê hương. Tiêu biểu là các nhà sư có tên tuổi như: Khùy Xung, Trí Hoàng, Trí Hành, Đại Thừa Đăng, Tuệ Diêm, Vận Kỳ. Cũng trong thời gian này, thông qua sử sách ghi chép, có một vị cư sĩ người Trung Quốc tên là Thẩm Thuyên Kỳ khi bị lưu đày đến vùng Châu Hoan đã tìm đến một thiền sư tại địa phương là Thượng Nhân Vô Ngại để học đạo. Dựa trên cơ sở đó, đã có giả thiết cho rằng vùng đất này một thời đã từng là một trung tâm của Phật giáo. Nhà nghiên cứu Lê Mạnh Thát viết: "Thẩm Thuyên Kỳ đã đến thăm và hầu chuyện với Thượng Nhân Vô Ngại tại chùa Tịnh Cư núi Cửu Chân. Điều này chứng tỏ sau thời gian bị đày ở Hoan Châu, Thẩm Thuyên Kỳ đã được chuyển về Ái Châu và chắc bị quản thúc ở đây một thời gian dài. Chính nhờ vào lúc bị quản thúc ấy, ông mới có cơ hội quan hệ với Vô Ngại" (6).

Trong quá trình nghiên cứu về các làng cổ tại Hà Tĩnh, tác giả Thái Kim Đỉnh cũng đã đưa ra nhiều căn cứ để khẳng định rằng: Vào thế kỷ VII-VIII, Phật giáo Hà Tĩnh đã phát triển khá hưng thịnh, hầu như ở làng nào cũng có chùa. Ông đã công bố các tư liệu dạng văn bia, minh chuông do ông dày công sưu tầm, nghiên cứu trong suốt mấy chục năm liền để đi đến khẳng định: Ngay từ thời Đinh, Tiền Lê và Lý - Trần, Phật giáo ở Hà Tĩnh đã phát triển. Bằng chứng cho thấy có nhiều ngôi chùa lớn đã được xây dựng dọc theo chân núi Hồng Lĩnh. Ngoài ra, thông qua các nghiên cứu của Thái Kim Đỉnh cũng cho thấy một số sự kiện có liên quan đến nhiều vị thiền sư nổi tiếng ở vùng đất Hà Tĩnh.

Trong một tài liệu khác cho biết, tháng Giêng năm 1377, Vua Trần Duệ Tông đích thân dẫn quân đi chinh phạt Champa đến tận thành Đồ Bàn (Quy Nhơn ngày nay), nhưng "Ông bị Chế Bồng Nga (vua Champa) phục kích, vây hãm, bắn bị thương nặng nên đã rút về chùa Diệc và băng hà. Thánh thể của vua được khâm liệm tại chùa và sau đó chuyển về Kinh thành" (7). Tuy nhiên, cũng nói về sự kiện này, một tài liệu khác là ***Tư liệu Quan Thái Bảo Đỗ Tử Bình*** trong Thần tích - Thần sắc làng Phúc Khê, tổng Phúc Khê, huyện Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình lại viết: "Vua băng hà ngay tại trận tiền" (8).

Có thể thấy, trong thời kỳ này chùa đã chiếm một vị trí rất quan trọng đối với đời sống của cư dân Đại Việt nói chung, người dân Hà Tĩnh nói riêng. Chùa đóng vai trò là trung tâm văn hóa, chính trị của làng quê và đôi khi còn kiêm cả chức năng là hành cung của nhà vua mỗi khi nhà vua vi hành.

Có một chi tiết khác cũng rất đáng lưu ý, đó là chùa Am gắn liền với truyền thuyết về Hoàng hậu Bạch Ngọc (tên thật là Trần Thị Ngọc Hào). Vào thế kỷ XIV, khi nhà Trần bị khủng hoảng, Hoàng hậu Bạch Ngọc đã rời Kinh thành Thăng Long về quê hương Đức Thọ-Hương Sơn (ngày nay), khai phá đất hoang, chiêu dân, lập làng hai bên bờ sông La, khởi dựng một ngôi chùa làm nơi tu hành cho mình và dân chúng địa phương. Ngôi chùa này gọi là chùa Am

(9), từng là nơi tu hành của Hoàng hậu Bạch Ngọc cùng công chúa Huy Chân và công chúa Trang Từ. Chùa Am cũng là trung tâm của một vùng đất rộng tới 3.965 mẫu, với 3.000 dân dưới quyền cai quản của Hoàng hậu Bạch Ngọc.

Trong sách *Lịch sử Hà Tĩnh* cho biết: "Sau khi giải phóng huyện Đỗ Gia, Hoàng hậu Bạch Ngọc và cả trang trại của bà ở vùng Thượng Đức Thọ đều tham gia, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Trong thời gian đô hộ, quân Minh lập đồn Kỵ Giả (hay Kính Kỵ, xã Đức Long) và từ đó thường đi cướp phá các xóm làng xung quanh, kể cả trang trại của Hoàng hậu Bạch Ngọc. Một đội quân Lam Sơn do tướng Bùi Bị chỉ huy đã tấn công tiêu diệt đồn quân Minh, nhờ đó một vùng rộng lớn được giải phóng và nhân dân hăng hái gia nhập nghĩa quân. Hoàng hậu Bạch Ngọc đã vinh dự được tiếp kiến Bình Định Vương và từ đó trang trại của bà trở thành một trong những cơ sở hậu cần của nghĩa quân Lam Sơn. Con gái bà là công chúa Huy Chân được Lê Lợi tuyển làm cung phi. Những bề tôi thân tín của Hoàng hậu Bạch Ngọc như Trần Quốc Trung, Ngô Thì Kính cùng nhiều trai tráng trong trang trại đã hăng hái gia nhập nghĩa quân" (10). Ngoài ra "Những kho lương thực trong trang trại của Hoàng hậu Bạch Ngọc ở vùng Đức Thọ cũng trở thành một nguồn cung cấp lương thực cho nghĩa quân" (11).

Một số tư liệu khác còn cho biết, chính Hoàng hậu Bạch Ngọc và công chúa Huy Chân, công chúa Trang Từ đã có công trong việc vận động Tăng Ni, Phật tử và nhân dân trong vùng trùng tu chùa An (Yên) Quốc, chùa Vông cùng một số ngôi chùa khác (12). Như vậy, có thể coi những dấu ấn của Hoàng hậu Bạch Ngọc đối với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và với lịch sử Phật giáo Hà Tĩnh như là những đóng góp chung của nhân dân Hà Tĩnh với khởi nghĩa Lam Sơn nói riêng, với lịch sử dân tộc nói chung.

Trong các tài liệu khác của Ban trị sự Phật giáo tỉnh Hà Tĩnh và những ý kiến đánh giá trong cuốn *Chùa cổ ở Hà Tĩnh* (13) đã khẳng định rằng: vào thời Lê sơ, mặc dù Nho giáo đã trở nên thịnh hành và trở thành bệ đỡ tư tưởng cho chế độ quân chủ, nhưng những ngôi chùa ở Hà Tĩnh vẫn không ngừng được dựng thêm hoặc được trùng tu lại. Trong tổng số 417 ngôi chùa được giới thiệu, mô tả trong cuốn *Chùa cổ ở Hà Tĩnh* đều là những ngôi chùa được xây dựng trong thời kỳ này và chiếm tỷ lệ cao khoảng 70% số chùa hiện còn được khảo sát.

Cũng có một số ý kiến cho rằng: "Vào thời nhà Mạc, thời kỳ ở Thăng Long (từ năm 1527-1592), đã có một số ngôi chùa được xây mới và nhiều ngôi chùa được trùng tu ở Hà Tĩnh. Trong đề tài nghiên cứu về *Quản lý di sản văn hóa Phật giáo ở tỉnh Hà Tĩnh* của tác giả Trần Thị Diệu Thúy đã phân tích về sự ảnh hưởng khốc liệt của cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn, kéo dài trong suốt 50 năm, đối với sự tồn tại của các ngôi chùa ở Hà Tĩnh. Cuộc chiến tranh đó đã tiêu hủy nhiều làng mạc, đình, chùa, đền miếu, nhiều ngôi chùa đã trở nên hoang phế. Tuy nhiên, sau khi cuộc chiến tranh Trịnh- Nguyễn kết thúc, các ngôi chùa ở Hà Tĩnh đã được xây dựng, trùng tu lại và hoạt động đó chủ yếu là vào khoảng thế kỷ XVI-XVIII" (14).

Theo một số tài liệu thành văn ghi chép được và thông qua các câu chuyện truyền ngôn ở Hà Tĩnh có nhiều đền, chùa lớn đã được xây dựng từ thời Lý, Trần và thời Lê sơ. Những kiến trúc chùa chiền ở Hà Tĩnh phần lớn là các kiến trúc được xây dựng hoặc được trùng tu thời kỳ từ cuối thời Lê và thời Nguyễn. Những công trình kiến trúc cổ nhất được biết đến là chùa Hoa

Tàng (chùa Giằng) ở Nghi Xuân, chùa Ngạn Sơn (chùa Nghèn) ở Can Lộc được khởi dựng từ đời Lý; chùa Ân Quang (chùa Gành) ở Đức Thọ, chùa Hương Tích ở Ngàn Hống, Can Lộc được khởi dựng từ đời Trần; chùa Diên Quang (chùa Am), đền Linh Cảm, đền Ngũ Long ở Đức Thọ, đền Đô Đài ở Can Lộc, đền Chiêu Trưng ở Thạch Hà được khởi dựng từ thời Lê sơ. Những kiến trúc trên đây đến nay đều không còn tồn tại, hoặc đã qua nhiều lần trùng tu không còn giữ được những dấu tích xưa. Ngay cả những công trình gạch đá cổ như tháp Cửu Diện (chín mặt) ở chùa Nghèn (Can Lộc), tháp Phong Sơn ở chùa Báo Ân cũng đã bị hư hỏng từ lâu.

May mắn còn sót lại một ngôi chùa có từ thời Lê sơ đó là chùa Diên Quang (chùa Am) ở xã Đức Hòa, huyện Đức Thọ. Chùa Diên Quang được trùng tu lần cuối cùng vào năm Duy Tân thứ 4 (năm 1910), đến nay vẫn giữ được kiểu dáng xưa. Còn lại một số công trình chùa chiền khác thời Lê còn lại cũng đã qua nhiều lần trùng tu, nhưng chưa mất dấu vết cổ (15).

Ở Hà Tĩnh, nhiều đền, chùa, đình lớn, đẹp thời Lê, Nguyễn hoặc không còn tồn tại, hoặc đã trở thành phế tích có thể kể đến như: đình Vọng Liễu, đền Thánh Tiên Phạm Hoành ở Kỳ Anh; đền Thượng tướng Nguyễn Biên, đền Gia Hội, đình Chợ Vực, miếu Văn Thánh ở Cẩm Xuyên; đền Nen, đền Tam Tòa ở Thạch Hà; đền Nhị Nguyễn Đại Vương, đền Đặng Quốc Côngở Can Lộc; chùa Thiên Tượng, chùa Tiên ở thị xã Hồng Lĩnh; chùa Cảm Sơn, Văn Miếu ở thành phố Hà Tĩnh; đền Linh Cảm, đền Tứ Phi, chùa Huyền Lâm (chùa Đá), đền Du Đồng ở Đức Thọ; đền Xa Lang (đền Trúc), chùa Nhiễu Long ở Hương Sơn; đền Uy Minh Vương (đền Huyện), đền Phú Lạp (đến Xứ), chùa Phong Phạn.

Một số chùa thời Lê, Nguyễn vẫn còn tồn tại đến nay như: chùa Tượng Sơn ở Hương Sơn; chùa Hương Tích ở Can Lộc; chùa Yên Lạc ở Cẩm Xuyên và một số chùa chiền khác. Nhìn chung, chùa ở Hà Tĩnh không nguy nga, đồ sộ, hầu hết có quy mô nhỏ, hẹp. Tuy nhiên, tại một số chùa, đền vẫn còn có những công trình chạm khắc có giá trị mỹ thuật rất cao, tiêu biểu như chùa Yên Lạc (Cẩm Xuyên), đền Tam Thanh (Can Lộc), đền Thái Yên, đền Thánh Thợ (Đức Thọ). Một số công trình có kiến trúc bằng gỗ và gạch đá, có giá trị nghệ thuật nổi tiếng, đã đi vào ca dao như: "Thứ nhất hương án Xa Lang, thứ hai tháp chuông chùa Thượng, thứ ba tam quan Tự Đồng (hoặc Du Đồng)" (16).

Bên cạnh Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo, từ cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, Công giáo đã bắt đầu truyền bá vào địa bàn các huyện: Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn, Hương Khê (Hà Tĩnh). Trong cuốn *Lược sử Phật giáo Hà Tĩnh* cho biết: "từ giữa thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII, Thiên Chúa giáo đã thu hút mốt số lượng cư dân làng xã tham gia. Từ đây, thêm một tôn giáo mới được một bộ phận cư dân làng xã trên địa bàn Hà Tĩnh lựa chọn, tin theo... Bởi vậy, từ đầu thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII, trên địa bàn Hà Tĩnh, bên cạnh Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo còn có thêm Thiên Chúa giáo. Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân Hà Tĩnh càng thêm phong phú, đa dạng hơn bởi sự hiện hữu của Thiên Chúa giáo trong đời sống tôn giáo của cư dân làng xã" (17).

Như vậy, vào thế kỷ XVII - XVIII, Phật giáo Hà Tĩnh chịu tác động rất nhiều trước những diễn biến phức tạp của bối cảnh tình hình chính trị, xã hội đương thời. Ngoài tình trạng bị chia cắt, loạn lạc bởi chiến tranh cát cứ của các tập đoàn phong kiến, Phật giáo

Hà Tĩnh còn chịu sự tác động và ảnh hưởng bởi sự du nhập của Công giáo vào đây.

Bước sang thế kỷ XVIII cho đến hết thời Tây Sơn là thời kỳ Phật giáo Hà Tĩnh có bước phát triển nhất định. Thời kỳ này nhiều chùa chiền được quan tâm xây dựng, tiêu biểu trong số đó là trường hợp họ Lê và Lê Hữu Trác ở Hương Sơn đã bỏ tiền của, công sức dựng chùa, đắp tượng Phật, góp phần vào sự phát triển của Phật giáo Hà Tĩnh nói chung và chùa Tượng Sơn nói riêng. Công trình *Di tích danh thắng Hà Tĩnh* cho biết: Chùa Tượng Sơn do bà Bùi Thị Thường, thân mẫu của Đại danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác sáng lập và do 2 anh em Lê Hữu Trác nhận trách nhiệm trực tiếp xây dựng. Chùa Tượng Sơn có 3 ngôi nhà. Chùa Thượng Chính điện thờ Phật Thích Ca. Bên cả thờ ông bà cụ Tham đốc quân công... và bà Bùi Thị Thường, người sáng lập chùa (18). Vợ chồng Tham đốc Quận công cùng con cháu họ Lê, họ Bùi ở Hương Sơn đã cùng nhân dân quanh vùng bỏ tiền của, công sức dựng chùa Tượng Sơn. Bản thân anh em Đại danh y Lê Hữu Trác trực tiếp tham gia xây dựng chùa Tượng Sơn. Con cháu nối đời họ Lê xuất gia tu hành và trở thành 7 vị thiền sư tại ngôi chùa cổ nổi tiếng này. Đây chính là nguyên nhân tại chùa Tượng Sơn còn có cả cung thờ cụ Tham đốc Quận công cùng con cháu họ Lê và Đại danh y Lê Hữu Trác.

Khi sự phát triển của Phật giáo thời kỳ này đạt tới mức độ nào đó đã dẫn đến việc vào cuối thế kỷ XVIII, vua Quang Trung ban hành chính sách chấn chỉnh việc tu hành, bằng cách chỉ để những Tăng, Ni hiểu biết thật sự về Phật pháp mới được tiếp tục tu tập, còn những ai không đủ tư cách thì phải hoàn tục. Chính sách về tôn giáo của vua Quang Trung đối với Phật giáo được viết trong sách *Việt Nam sử lược* như sau: "vua Quang Trung thấy làng nào cũng có chùa chiền, mà những người đi tu hành thì ngu dốt, không mấy người đạt được cái đạo cao sâu của Phật, chỉ mượn tiếng thần thánh mà đánh lừa kẻ ngu dân, ngài xuống Chiếu bắt bỏ những chùa nhỏ ở các làng, đem gỗ gạch làm ở mỗi phủ, mỗi huyện một cái chùa thật to, rất đẹp, rồi chọn lấy những tăng nhân có học thức, có đạo đức, ở coi chùa thờ Phật. Còn những người không xứng đáng thì bắt về làm ăn. Ý vua Quang Trung muốn rằng chỗ thờ Phật phải cho tôn nghiêm, mà những người đi tu hành thì phải là người chân tu mộ đạo mới được" (19). Như vậy đến thời vua Quang Trung, Phật giáo cả nước nói chung, trong đó có Hà Tĩnh cũng phải chịu chung những quy định mới do vua Quang Trung ban ra nhằm hạn chế bớt sự phát triển của Phật giáo khi ấy.

2. Phật giáo Hà Tĩnh từ thời Nguyễn đến nay

Dưới thời Nguyễn, mặc dù các vị vua nhà Nguyễn không đi tu, hoặc sùng bái đạo Phật như các vị vua thời Lý - Trần, nhưng trên thực tế, từ năm 1802 đến năm 1884, Phật giáo cả nước nói chung, Phật giáo Hà Tĩnh nói riêng đã có sự hưng khởi. Theo ghi chép của Quốc sử quán triều Nguyễn trong các bộ sử được biên soạn ở thế kỷ XIX, trong các chuyến Bắc tuần, vì những nguyên do khác nhau, các vị vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị... đã từng dừng chân tại một số địa điểm danh lam thắng cảnh trên vùng đất Hà Tĩnh. Tại các nơi đó, các vị vua đều làm thơ ca ngợi cảnh đẹp của núi Hồng Lĩnh và một số ngôi chùa tọa lạc trên vùng đất Hà Tĩnh.

Sau khi đánh bại vương triều Tây Sơn, tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802) Nguyễn Ánh chọn Phú Xuân làm Kinh đô, lập đàn tế trời đất rồi thiết triều để lên ngôi, đặt niên hiệu là Gia Long. Năm 1804 vua Gia Long đổi quốc hiệu là Việt Nam. Đối với

người dân Xứ Nghệ có truyền thống hiếu học và khoa bảng, thì đó là cơ hội thuận lợi cho các nho sĩ, học trò xứ Nghệ theo đuổi nghiệp đèn sách. Điều đó đã được thể hiện qua số lượng học trò đỗ đạt đại khoa ở Hà Tĩnh và số quan lại là người Hà Tĩnh chiếm tỉ lệ ngày càng cao. Thực tế đó còn chứng tỏ giáo dục khoa bảng nói riêng và ý thức hệ Nho giáo nói chung đã phát triển mạnh không chỉ trên phạm vi cả nước, mà ngay trên vùng đất Hà Tĩnh cũng có điều kiện phục hồi, phát triển. Tuy nhiên không vì thế mà ảnh hưởng đến sự phát triển của Phật giáo Hà Tĩnh.

Dưới thời Pháp thuộc, Phật giáo Hà Tĩnh cũng trải qua nhiều bước thăng trầm. Năm 1936, Tỉnh hội Phật giáo Hà Tĩnh được thành lập, thành phần chủ yếu là các cư sĩ. Kể từ năm đó cho đến năm 1945, Phật giáo ở Hà Tĩnh đã từng bước chấn hưng, hồi phục. Như do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau, không chỉ trong thời gian sáp nhập hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, mà trên thực tế, từ sau năm 1945, nhất là trong thời gian thực hiện chủ trương "tiêu thổ kháng chiến" nhằm ngăn cản, làm chậm bước tiến của quân Pháp, nên trong thời gian cuối năm 1946 và năm 1947 đã có một số đình chùa bị phá hoặc trở thành địa điểm cất giấu vũ khí, lương thực, thậm chí còn là nơi diễn ra các cuộc chiến đấu chống lại các cuộc càn quét của quân Pháp.

Trong những năm 1954 - 1965, cùng với miền Bắc, Hà Tĩnh bước vào thời kỳ hoà bình lập lại, bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế - văn hoá và bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong giai đoạn này, đặc biệt là thời gian tiến hành cuộc cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, cũng giống như nhiều địa phương khác ở miền Bắc, Phật giáo Hà Tĩnh bị ảnh hưởng và tổn thất nặng nề. Cuộc cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành ở miền Bắc, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quá trình tiến hành cải cách ruộng đất, Hà Tĩnh đã phạm phải sai lầm nghiêm trọng, nhất là trong đợt IV và đợt V, tại nhiều nơi trong tỉnh rất nhiều đền chùa, miếu mạo, nơi thờ tự, các đồ thờ cúng, các di sản văn hóa như gia phả, sách cổ đã bị phá hủy. Sai lầm đó xuất phát từ tư tưởng cực đoan, sự ấu trĩ tả khuynh của các Đội cải cách ruộng đất và các cán bộ địa phương. Những sai lầm đó đã ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết dân tộc, gây mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân ở nông thôn, ảnh hưởng uy tín của Đảng và Nhà nước. Những chùa chiền bị phá dỡ hoặc bị hoang phế có thể kể đến là: chùa Hàm Lại (huyện Hương Sơn) bị phá dỡ khoảng 1960; chùa Phật học Hà Tĩnh (nay thuộc Thành phố Hà Tĩnh), năm 1955 được dùng làm trường học rồi sau đó bị phá; chùa Thanh Chương (huyện Thạch Hà) bị đập phá khoảng những năm 1950; chùa Sơn Huy (huyện Can Lộc) năm 1957 được dùng làm nhà trẻ, rồi sau đó bị phá dỡ; chùa Vĩnh Hoà (huyện Can Lộc, nay thuộc Lộc Hà) bị phá dỡ năm 1956... (20).

Hầu hết số chùa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến thời điểm chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965) không có sư trụ trì. Những chùa còn tồn tại chủ yếu nhờ sự thờ phụng của Phật tử, nhân dân và mang tính chất của chùa làng. Có nơi, làng cử sãi chùa túc trực trông coi hương khói, dọn dẹp chùa, hướng dẫn người dân hành lễ. Nhân dân Hà Tĩnh, kể cả không phải tín đồ Phật giáo cũng rất tôn trọng Phật. Điều đó được thể hiện trong ý thức sống tu nhân tích đức, làm điều thiện, tránh điều ác, đề cao trách nhiệm với cộng đồng, làng nước.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), một phần do bị bom đạn Mỹ phá hoại, một phần vì mục tiêu lúc bấy

giờ là "tất cả để đánh thắng giặc Mỹ" nên nhiều chùa bị phá hỏng, bị hoang phế; lễ nghi, sinh hoạt tâm linh Phật giáo không còn như trước; số lượng Tăng, Ni, Tín đồ Phật tử giảm... Trong giai đoạn 1965 - 1975, những ngôi chùa vì những lý do nêu trên bị hư hỏng hoặc bị hoang phế như: chùa Cảm Sơn (Thị xã Hà Tĩnh) chùa Hộ Độ (huyện Thạch Hà, nay là Lộc Hà), chùa Phong Phạn, chùa Thanh Lương (huyện Nghi Xuân), chùa Đá, chùa Thích Ca chùa Quả, chùa Vền (huyện Đức Thọ), chùa Yên Ninh, chùa Giai Lâm (huyện Thạch Hà), chùa Yên Lệ (Thị xã Hà Tĩnh)... Nhiều chùa vẫn còn tồn tại, nhưng công tác giữ gìn, bảo quản không đảm bảo nên nhiều hiện vật quý giá bị mất. Tiêu biểu như chùa Am trong các hiện vật, nội thất thờ tự của chùa bị hư hại, mất mát nghiêm trọng, ngay cả tượng đồng của bà Hoàng Hậu Bạch Ngọc, đôi hạc chầu, chuông đồng cũng bị mất trộm.

Thực tế này còn được thể hiện rõ trên nhiều phương diện như: Hàng trăm ngôi chùa cổ được xây dựng, trùng tu, sửa chữa nhiều lần trước đó như: Chùa Hương Tích (huyện Can Lộc), chùa Thiên Tượng, chùa Long Đàm, chùa Đại Hùng (Thị xã Hồng Lĩnh), chùa Thanh Lương, chùa Trậu (Đà Liễu), chùa Cổ Am (Nghi Xuân), chùa Báu Lâm, chùa Hạ Phúc (huyện Hương Khê), chùa Am (Diên Quang Tự), Chùa Ghềnh, chùa Tường Sơn (huyện Đức Thọ),... đều ở trong tình trạng bị hư hỏng, xuống cấp hoặc chỉ còn lại dấu tích (21).

Trải qua 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954-1975), Phật giáo Hà Tĩnh đã không ngừng phát huy truyền thống yêu nước, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất nước nhà. Sự ủng hộ cùng những đóng góp cả về tinh thần và vật chất của các Tăng Ni, Phật tử đã góp phần tăng cường khối đoàn kết toàn dân. Với tinh thần "Bi nãi sát sinh dĩ độ chúng sinh", nhiều Tăng, Ni đã "cởi áo cà sa, khoác chiến bào" cùng cả nước ra trận; Phật tử Hà Tĩnh đã thể hiện tinh thần "Yêu đạo là yêu nước", để bảo vệ đất nước, cũng là bảo vệ nguồn mạch chánh pháp đạo Phật. Cũng như Phật giáo Việt Nam, Phật giáo Hà Tĩnh đã thực sự nhập thế, tinh thần hộ quốc an dân được phát huy và đề cao. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh đặc biệt lúc bấy giờ, Phật giáo Hà Tĩnh đã phải chịu nhiều mất mát. Đây chính là thời kỳ Phật giáo Hà Tĩnh gặp nhiều khó khăn (22).

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (1975), đất nước thống nhất, Phật giáo Hà Tĩnh đã trải qua nhiều bước thăng trầm. Trong tâm thức của một bộ phận nhân dân vẫn luôn luôn hướng Phật, chỉ có điều là họ không có điều kiện để được sinh hoạt theo đúng đường hướng. Chính vì vậy, trong thập niên 1970 đến đầu thập niên 1990 của thế kỷ XX, một số sinh hoạt tín ngưỡng ở các chùa vẫn còn mang đậm tính dân gian, thậm chí một vài nơI còn có hoạt động mạng tính chất mê tín dị đoan.

Theo sách *Chùa cổ Hà Tĩnh* thống kê 417 ngôi chùa cổ từng được đầu tư, xây dựng, trùng tu, phục dựng nhiều lần trên đất Hà Tĩnh trong những khoảng thời gian khác nhau. Nhưng đến năm 2000, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh chỉ còn lại 5 ngôi chùa đang được các cấp chính quyền cho phép hoạt động nhưng việc coi sóc các chùa do các Phật tử địa phương tiến hành, còn không có nhà sư nào trụ trì ở các chùa (23).

Đến cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, Phật giáo Hà Tĩnh bước vào giai đoạn phục hưng ngày càng mạnh mẽ. Một trong những điểm nhấn quan trọng trong việc phục hưng Phật giáo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong 20 năm đầu thế kỷ XXI là việc huy động nguồn vốn xã hội hóa từ đóng góp

của các doanh nghiệp, doanh nhân, các nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh cũng như sự chung tay góp sức của đông đảo các tầng lớp nhân dân để trùng tu, phục dựng, xây dựng lại các ngôi chùa cổ. Theo số liệu của Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Hà Tĩnh, đến ngày 30-12-2007, toàn tỉnh Hà Tĩnh có 63 ngôi chùa cổ đã được đầu tư trùng tu, sửa chữa một số hạng mục công trình như: nhà tổ, cổng tam quan, nhà khách hoặc xây dựng mới hoàn toàn. Đó là: chùa Nhiễu Long, chùa Hương Tích, chùa Chân Tiên, chùa Long Đàm, chùa Đà Liễu, chùa Yên Lạc, chùa Mộ Nghĩa, chùa Cảm Sơn, chùa Cẩm Sơn, chùa Kim Quan,... trong đó, có 2 ngôi chùa được công nhận Di tích Lịch sử văn hoá cấp Quốc gia, 3 ngôi chùa được xếp vào danh mục cần bảo vệ, tu tạo cấp tỉnh. Đến ngày 10-11-2013, có 7 ngôi chùa được xếp hạng Di tích Lịch sử văn hoá cấp Quốc gia và 28 ngôi chùa được xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh.

Tính đến ngày 30-12-2020, toàn tỉnh Hà Tĩnh đã có 119 ngôi chùa cổ được đầu tư nâng cấp, sửa chữa hoặc xây dựng mới hoàn toàn, đưa vào sử dụng. Trong đó, riêng Thị xã Hồng Lĩnh đã có tới 8 ngôi chùa được đầu tư xây dựng, với nguồn kinh phí lên tới hàng trăm tỷ đồng như: chùa Đại Hùng, chùa Long Đàm, chùa Thiên Tượng, chùa Hang,... Huyện Nghi Xuân có 18 ngôi chùa và Thiền viện Trúc Lâm Hồng Lĩnh được đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới đưa vào sử dụng, huyện Đức Thọ có 9 ngôi chùa được đầu tư xây mới, hoặc sửa chữa nhiều hạng mục công trình.

Theo kết quả Tổng điều tra kinh tế và cơ sở hành chính toàn tỉnh Hà Tĩnh vào năm 2021 tại tỉnh Hà Tĩnh có 634 cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng (24). Theo số liệu thống kê của Sở Nội vụ cũng cho biết, các tôn giáo ở Hà Tĩnh ngày càng phát triển cả về số lượng chức sắc, tín đồ và hệ thống cơ sở thờ tự, đất đai tôn giáo. Trong thời gian qua, các chức sắc, chư Tăng, Ni, phật tử cùng đồng bào các tôn giáo ở Hà Tĩnh đã luôn luôn kề vai sát cánh cùng Đảng bộ, chính quyền các cấp và nhân dân các địa phương trong tỉnh Hà Tĩnh trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển bền vững quê hương Hà Tĩnh.

3. Kết luận

Trong quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam, lịch sử - văn hóa Phật giáo trên vùng đất Hà Tĩnh đã trải qua nhiều thăng trầm, biến đổi. Mặc dù Phật giáo được truyền bá, xuất hiện và phát triển ở Hà Tĩnh từ rất sớm, song vì nhiều nguyên nhân khác nhau, đến nửa sau thế kỷ XX, Phật giáo trên vùng đất xứ Nghệ (Nghệ An và Hà Tĩnh) bước vào giai đoạn lắng xuống và đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Việc phục hưng Phật giáo trên vùng đất rộng lớn, đông dân cư dọc đôi bờ sông Lam, dưới chân núi Hồng diễn ra muộn hơn so với nhiều tỉnh, thành khác trong cả nước.

Nhìn lại quá trình xuất hiện và phát triển Phật giáo Hà Tĩnh từ xưa đến nay, so với Công giáo Hà Tĩnh thì Phật giáo Hà Tĩnh có số lượng cơ sở thờ tự và tín đồ khiêm tốn hơn. Theo sách *Đại Nam nhất thống chí* viết về vùng đất Xứ Nghệ (Nghệ An và Hà Tĩnh): dưới thời Nguyễn, vào nửa cuối thế kỷ XIX, dân "cần kiệm, nhà nông chăm chỉ ruộng nương, học trò ưa chuộng học hành" dân ở đây "*không mê đạo Phật* (không có chùa quán lớn, không làm chay làm tiếu linh đình), chỉ thờ thánh Khổng (chỉ Khổng Tử - ĐQH) rất kính cẩn việc thờ thần. Phong tục vùng thượng du thì quê mùa, ở nhà sàn, mặc cả tấm vải, nhà nào cũng thờ ma, không ai dám phạm " (25). Ngược lại, Công giáo Hà Tĩnh có phần phát triển vào nửa cuối thế kỷ XIX, khá nhiều huyện được

ghi chép trong sách *Đồng Khánh địa dư chí* của Quốc Sử quán triều Nguyễn, nói đến việc dân các huyện trong tỉnh Hà Tĩnh và Nghệ An theo Công giáo, thậm chí có một số làng, xã là cả xã toàn tòng (26). Như vậy có thể thấy rằng, do những yếu tố chủ quan và khách quan nhất định mà Phật giáo Hà Tĩnh đã không có điều kiện phát triển so với Công giáo bởi vì nơi đây là vùng đã chịu sự ảnh hưởng lớn của hệ tư tưởng Nho giáo qua các triều đại quân chủ, Nho giáo có điều kiện phát triển và đã ăn sâu vào đời sống nhân dân. Đến khi Công giáo du nhập vào Việt Nam, trong bối cảnh xã hội phù hợp, đã từng bước thâm nhập ăn sâu, bám rễ vào vùng đất Hà Tĩnh nên Công giáo ở đây có số lượng đông đảo hơn so với Phật giáo.

Trong số hai tôn giáo chính trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là Công giáo và Phật giáo, có thể thấy Công giáo có sự phát triển mạnh hơn và chiếm đại đa số các tín đồ trong tỉnh Hà Tĩnh. Đây là nguyên nhân cả khách quan và chủ quan tác động đến sự phát triển của Phật giáo Hà Tĩnh; một nguyên nhân khác nữa là vùng đất này thiên nhiên khó khăn, khắc nghiệt, biên viễn xa xôi, lại chịu tác động nặng nề của hệ tư tưởng Nho giáo, truyền thống chuộng học, khoa cử, khoa bảng mà "*không mê đạo Phật*" được thể hiện khá phổ biến trong nhân dân. Ngoài ra, còn chịu tác động không nhỏ bởi tín ngưỡng bản địa, thờ cúng ông bà tổ tiên, anh hùng dân tộc, thành hoàng làng nên Phật giáo Hà Tĩnh đã trải qua những bước thăng trầm nhất định và mới được phục hồi và chỉ phát triển mấy chục năm trở lại đây (27).

Nghiên cứu quá trình xuất hiện và phát triển Phật giáo Hà Tĩnh, bước đầu chúng tôi rút ra một số đặc trưng cơ bản của Phật giáo Hà Tĩnh trong lịch sử Việt Nam như sau: *Thứ nhất*, Phật giáo xuất hiện trên vùng đất Hà Tĩnh từ rất sớm, Hà Tĩnh là một trong nhưng nơi Phật giáo truyền bá vào sớm nhất ở Việt Nam; *thứ hai*, trong quá trình phát triển Phật giáo Hà Tĩnh trải qua nhiều thăng trầm; *thứ ba*, quá trình phục hưng Phật giáo ở Hà Tĩnh chậm hơn so với nhiều tỉnh, thành khác trong cả nước; *thứ tư,* ở Hà Tĩnh, Công giáo phát triển mạnh hơn và có số lượng tín đồ nhiều hơn so với Phật giáo; *thứ năm,* Phật giáo Hà Tĩnh tồn tại và phát triển trên vùng đất địa linh nhân kiệt, gắn liền với những nét riêng có của người dân Xứ Nghệ (Nghệ An và Hà Tĩnh) đó là đức tính kiên trung, cần cù, chịu thương chịu khó và giàu sức sáng tạo. Trong quá trình phát triển, Phật giáo Hà Tĩnh đã có những đóng góp không nhỏ đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

CHÚ THÍCH

(1). Ban Tôn giáo Chính phủ, *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam* (Sách trắng), Hà Nội, 2006.

(2). Nguyễn Quang Hồng (chủ biên) *Lược sử Phật giáo Hà Tĩnh*, Nxb. Nghệ An, 2022, tr. 48.

(3). Lê Mạnh Thát, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2003, tr.19-20.

(4). Theo truyền thuyết: Chử Đồng Tử đi buôn, gặp thiền sư Phật Quang được thiền sư Phật Quang truyền đạo, Chử Đồng tử đã ở lại đó để tu tập.

(5). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.76.

(6). Lê Mạnh Thát, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập 2, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr.219.

(7). Thái Kim Đỉnh, *Hà Tĩnh đất văn vật Hồng Lam*, Nxb. Trẻ, Tp.Hồ Chí Minh, 2013, tr.114-115.

(8). Theo Tư liệu Quan Thái Bảo Đỗ Tử Bình trong Thần tích-Thần sắc làng Phúc Khê, tổng Phúc Khê, huyện tiên Hưng, tỉnh Thái Bình chép: "Quân giặc thấy vậy đợi đến chỗ hiểm xông ra

đánh chặn khá gay, trong 1 giờ, quan quân tan vỡ, vua bị vây hãm băng hà tại trận tiền", tr.4.

(9). Hoàng Hậu Bạch Ngọc tên là Trần Thị Ngọc Hào, con ông Trần Ngọc Thiện, quê làng Tri Bản, huyện Thổ Hoàng (nay xã Hoà Hải, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh). Bà là Hoàng hậu của vua Trần Duệ Tông (1372-1377) tên là Trần Kính (hay Cảnh: 1337-1377), con thứ 11 của vua Trần Minh Tông (1314-1329) Trần Mạnh (hay Oanh: 1300-1357) và em vua Trần Nghệ Tông (1370-1372) Trần Phủ (1321-1395). Vua Trần Duệ Tông được vua Trần Nghệ Tông nhường ngôi trong bối cảnh vương triều và đất nước đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Nhà Trần sau thời thịnh đạt với "Hào khí Đông A" vang dậy vũ công và văn trị đã bắt đầu suy yếu. Từ phương Bắc, nhà Minh (1368-1644) sau khi thành lập, bắt đầu xu hướng bành trướng xuống Đông Nam Á mà nước Đại Việt là đối tượng đầu tiên. Từ phương Nam, nước Champa dưới Vương triều Chế Bồng Nga (1360-1390) thi hành chủ trương thù địch với Đại Việt, thường xuyên quấy phá vùng biên cương và nhiều lần tấn công ra vùng Nghệ An (Nghệ An và Hà Tĩnh), Thanh Hóa rồi đánh ra tận Kinh thành Thăng Long. Năm 1371 trước khi vua Trần Duệ Tông lên ngôi, quân Chế Bồng Nga tấn công thẳng vào phía Nam thành Thăng Long, vua Trần Nghệ Tông phải lánh nạn sang Đông Ngàn (Đông Anh, Gia Lâm thuộc Hà Nội). Quân Champa tràn vào cướp phá Kinh thành "giặc đến không có quân nào ngăn được, chúng đốt trụi cung điện, nhà cửa. Thư tịch, sổ sách do vậy sạch không". Trần Duệ Tông lên làm Vua khi 32 tuổi nên hăm hở muốn chấn chỉnh lại vương triều, nhất là củng cố quốc phòng và trừ khử mối họa từ phương Nam. Nhà vua mở khoa thi hội, thi đình năm 1374, tuyển chọn dân đinh bổ sung quân ngũ, đóng thêm chiến thuyền, tích trữ lương thực, mở mang đường sá từ Thanh Hóa đến Hà Hoa (Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh)... Cuối năm 1376, Nhà vua huy động 12 vạn quân thân chinh đánh Champa. Đại quân theo đường biển tiến đến cửa Thi Nại (Qui Nhơn, tỉnh Bình Định). Chế Bồng Nga rút quân khỏi thành Đồ Bàn (thành Vijaya, Bình Định) bố trí phục binh bên ngoài rồi trá hàng nhử quân nhà Trần vào bẫy. Vua Trần Duệ Tông thúc toàn quân tiến công Kinh thành Champa và bị đại bại. Nhà vua và nhiều tướng soái cao cấp bị tử trận dẫn theo Phan Huy Lê, *Hoàng Hậu Bạch Ngọc - người có công khai hoang và cứu nước trên đất Hà Tĩnh*, http://thegioidisan.vn/vi/hoang-hau-bach-ngoc-nguoi-co-cong-khai-hoang-va-cuu-nuoc-tren-dat-ha-tinh.html ngày 22/08/2016. Xem thêm: Lê Như Thủy, *Bà Trần Thị Ngọc Hào, vợ vua Trần Duệ Tôn (1373 - 1377)*, Tạp chí *Tri Tân*, số 70 (3-11-1942), tr.20; Thanh Khê, *Một bà chủ đồn điền ở thế kỷ XIV*, Tạp chí *Tri Tân*, số 56, ra ngày 28 tháng 7 năm 1942.

(10), (11), (15), (16). Tỉnh ủy Hà Tĩnh, *Lịch sử Hà Tĩnh,* tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.172-173, 184, 264-265, 265.

(12). Nguyễn Đại Đồng, Thích Thọ Lạc (đồng Cb), *Lịch sử Phật giáo Nghệ An*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2021, tr.171.

(13), (23). Thái Kim Đỉnh, *Chùa cổ Hà Tĩnh*, Nxb. Đại học Vinh, Nghệ An, 2017.

(14). Hồ Đức Tiến, *Phật giáo ở Hà Tĩnh từ năm 1991 đến năm 2014*, Luận văn Thạc sĩ khoa học Lịch sử, Đại học Vinh, 2015, dẫn theo Trần Thị Diệu Thúy, *Quản lý di sản văn hóa phật giáo ở tỉnh Hà Tĩnh*, luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý văn hóa, 2018, tr.34.

(17), (20), (22). Nguyễn Quang Hồng (Cb), *Lược sử Phật giáo Hà Tĩnh*, Nxb. Nghệ An, 2022, tr.230, 321-322, 329, 330.

(18). Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Hà Tĩnh, *Di tích danh thắng Hà Tĩnh*, 1997. Dẫn theo *Lược sử Phật giáo Hà Tĩnh*, Sđd, tr.243-244.

(19). Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2002, tr.409.

(21). Nguyễn Quang Hồng, *Quá trình phục hưng phật giáo trên địa bàn hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh trong 20 năm đầu thế kỷ XXI*, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử,* số 4-2021, tr.3.

(24). Báo Hà Tĩnh, ngày 29-6-2021. https://baohatinh.vn/kinh-te/ha-tinh-san-sang-trien-khai-giai-doan-2-tong-dieu-tra-kinh-te-va-co-so-hanh-chinh/214651.htm

(25), (26). Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr.168, 100.

(27). *Đồng Khánh địa dư chí* chép: Huyện Thạch Hà (trang 1320), Cẩm Xuyên (trang 1323), Kỳ Anh (1325), Can Lộc (trang 1269). Xem thêm: Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đồng Khánh địa dư chí*, tập I, Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin, dịch, hiệu đính, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003.